

Số: /QĐ-KCN

Hải Dương, ngày tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai tình hình**  
**Thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2022**

**TRƯỞNG BAN**  
**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 3889/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2022;*

*Căn cứ Thông báo số 220/TB-STC ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Sở tài chính về việc Thông báo kết quả kiểm tra phân bổ dự toán thu, chi NSNN năm 2022;*

*Xét đề nghị của Phụ trách Văn phòng Ban tại tờ trình số 25/TTr-VP ngày 07/10/2022 về việc công bố, công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý III năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý III năm 2022 của Ban quản lý các Khu công nghiệp (theo biểu đính kèm) và công khai trên trang thông tin điện tử của Ban ([hppt://banqlkcn.haiduong.gov.vn](http://banqlkcn.haiduong.gov.vn)).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ban, kế toán, cán bộ công chức và người lao động của Ban quản lý các khu công nghiệp; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để TH);
- Website Ban (để đưa tin);
- Lưu: VT, VP (Huyền).

**TRƯỞNG BAN**

**Trần Anh Tuấn**

**Đơn vị: BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP****Chương: 505****ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN  
THU, CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2022***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-KCN ngày 07/10/2022 của Ban quản lý các Khu công nghiệp)**Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước TH đến hết quý III/2022	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, nộp ngân sách</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>421.464.714</b>	<b>42,2%</b>	<b>77,2%</b>
1	Lệ phí cấp GPLĐ cho người nước ngoài	500.000.000	261.450.000	52,3%	104,9%
2	Lệ phí cấp Giấy phép xây dựng	15.000.000	3.150.000	21,0%	76,5%
3	Phí cấp Thiết kế cơ sở	485.000.000	156.864.714	32,3%	55,1%
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>4.313.000.000</b>	<b>2.535.586.714</b>	<b>58,8%</b>	<b>63,4%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>3.960.000.000</b>	<b>2.420.513.301</b>	<b>61,12%</b>	<b>65,8%</b>
1.1	KP thực hiện chế độ tự chủ	3.870.000.000	2.400.823.301	62,04%	61,4%
1.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	90.000.000	19.690.000	21,9%	54,6%
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp xúc tiến đầu tư</b>	<b>180.000.000</b>	<b>115.073.412</b>	<b>63,9%</b>	<b>69,6%</b>
2.1	KP nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0,0%	0,0%
2.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên	180.000.000	115.073.412	63,9%	69,6%
<b>3</b>	<b>Kinh phí thực hiện tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (Nguồn CCTL - nguồn 14)</b>	<b>173.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>